SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 235 /KH-CLQĐ

Quy Nhơn, ngày 04 tháng 11 năm 2026

KẾ HOẠCH
Về việc triển khai chuyển đổi IPv6 only tại trường THPT chuyên Lê Quý Đôn giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi IPv6-only trong cơ quan nhà nước tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030;

Thực hiện Kế hoạch số 7637/KH-SGDĐT ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai về việc triển khai chuyển đổi IPv6 only tại Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị thuộc, trực thuộc giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn và tình hình thực tế về hạ tầng công nghệ thông tin, mạng nội bộ, các phần mềm và dịch vụ số đang sử dụng tại nhà trường;

Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn ban hành Kế hoạch triển khai chuyển đổi IPv6 only giai đoạn 2026-2030 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Từng bước chuyển đổi hạ tầng mạng Internet, mạng nội bộ, các hệ thống thông tin và dịch vụ số thuộc phạm vi quản lý của nhà trường sang sử dụng IPv6, tiến tới IPv6 only theo lộ trình của tỉnh và ngành Giáo dục.

- Nâng cao năng lực hạ tầng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý, dạy học và các hoạt động giáo dục.

- Tăng cường khả năng kết nối, tính tương thích và an toàn thông tin của hệ thống mạng; tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác các nền tảng, phần mềm và dịch vụ số phục vụ hoạt động của nhà trường.

2. Yêu cầu

- Việc chuyển đổi phải được thực hiện có kế hoạch, phù hợp với hiện trạng hạ tầng, bảo đảm tính đồng bộ, tiết kiệm, hiệu quả và tận dụng tối đa thiết bị hiện có.

- Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu, duy trì hoạt động ổn định của các hệ thống phục vụ quản lý, dạy học; có phương án kiểm thử, sao lưu và khôi phục khi phát sinh sự cố.

- Phân định rõ hệ thống do nhà trường trực tiếp quản lý và hệ thống dùng chung do Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc đơn vị khác quản lý, vận hành.

- Phân công cụ thể trách nhiệm cho từng bộ phận, cá nhân; tổ chức kiểm tra, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo đúng tiến độ, yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

II. MỤC TIÊU, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Năm 2026

- Rà soát, thống kê hiện trạng đường truyền internet, mạng LAN/Wi-Fi, thiết bị mạng, máy tính, máy chủ, camera, Trang thông tin điện tử và các phần mềm, hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của nhà trường.

- Đánh giá khả năng hỗ trợ IPv6 của từng hệ thống, thiết bị; xác định nhu cầu nâng cấp, thay thế và các khó khăn, vướng mắc.

- Phân công nhân sự phụ trách, xây dựng phương án triển khai phù hợp; đề xuất nhu cầu kinh phí và lựa chọn phạm vi thí điểm khi đủ điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin.

2. Giai đoạn 2027-2028

- Từng bước triển khai IPv6 song song IPv4 (dual-stack) đối với các hệ thống, thiết bị đáp ứng điều kiện kỹ thuật.

- Thí điểm và mở rộng IPv6 only tại các phân đoạn mạng nội bộ, mạng Wi-Fi và dịch vụ phù hợp sau khi kiểm thử, đánh giá đạt yêu cầu.

- Rà soát, đề xuất nâng cấp hoặc thay thế thiết bị, phần mềm không tương thích; phối hợp với cơ quan chủ quản xử lý các hệ thống dùng chung chưa hỗ trợ IPv6.

- Phấn đấu triển khai theo lộ trình, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2028 có 50% đơn vị trực thuộc triển khai thành công IPv6 only theo kế hoạch của tỉnh.

3. Giai đoạn 2029-2030

- Mở rộng triển khai IPv6 only đối với mạng và dịch vụ do nhà trường trực tiếp quản lý khi đáp ứng đầy đủ điều kiện kỹ thuật, khả năng tương thích và yêu cầu an toàn thông tin.

- Hoàn thành chuyển đổi các hệ thống thuộc phạm vi quản lý của nhà trường theo lộ trình chung; các hệ thống đặc thù, hệ thống dùng chung thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản.

- Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả; đề xuất giải pháp duy trì, vận hành ổn định và bảo đảm an toàn thông tin sau chuyển đổi.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Phổ biến nội dung, mục tiêu và lộ trình chuyển đổi IPv6 only theo Quyết định số 1081/QĐ-UBND và Kế hoạch số 7637/KH-SGDĐT đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và các bộ phận có liên quan.

- Lồng ghép nội dung tuyên truyền về chuyển đổi số, sử dụng Internet an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân trong các hoạt động phù hợp của nhà trường.

- Cập nhật, phổ biến các hướng dẫn kỹ thuật và thông tin cần thiết trên Trang thông tin điện tử, các kênh thông tin chính thức của nhà trường khi phù hợp.

2. Khảo sát, đánh giá hiện trạng và lập danh mục thiết bị

- Giao Tổ Tin học - GDQP&AN phối hợp với nhân viên thiết bị và các bộ phận liên quan kiểm kê đường truyền internet, sơ đồ mạng, thiết bị định tuyến, thiết bị chuyển mạch, tường lửa, mạng Wi-Fi, máy tính, máy chủ, camera và các thiết bị công nghệ thông tin khác.

- Rà soát Trang thông tin điện tử, tên miền/DNS, phần mềm quản lý, phần mềm dạy học và các hệ thống thông tin đang sử dụng; xác định đơn vị quản lý, khả năng hỗ trợ IPv6 và mức độ ảnh hưởng khi chuyển đổi.

- Phân loại thiết bị, hệ thống thành các nhóm: hỗ trợ IPv6 và có thể cấu hình; cần cập nhật phần mềm hoặc firmware; chưa hỗ trợ IPv6 và cần đề xuất nâng cấp, thay thế.

- Tổng hợp kết quả khảo sát, xác định thứ tự ưu tiên, dự kiến kinh phí và tiến độ triển khai theo từng năm.

3. Xây dựng phương án kỹ thuật và triển khai chuyển đổi

- Phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ internet và đơn vị kỹ thuật liên quan để kiểm tra khả năng hỗ trợ IPv6, phương án cấp phát địa chỉ, định tuyến, cấu hình DNS và kết nối Internet.

- Triển khai dual-stack tại các hệ thống đủ điều kiện trước khi xem xét chuyển sang IPv6 only; thực hiện kiểm thử kết nối, khả năng truy cập các phần mềm và dịch vụ phục vụ quản lý, dạy học.

- Xây dựng phương án chuyển đổi theo từng phạm vi, có kế hoạch thực hiện, phương án dự phòng và khôi phục khi xảy ra sự cố; không triển khai diện rộng khi chưa bảo đảm điều kiện kỹ thuật.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý lỗi kết nối, bảo đảm hoạt động của nhà trường được duy trì ổn định trong suốt quá trình chuyển đổi.

4. Bảo đảm khả năng tương thích của Trang thông tin điện tử và các phần mềm

- Kiểm tra khả năng hỗ trợ IPv6 của Trang thông tin điện tử, tên miền, DNS, các phần mềm quản lý và nền tảng phục vụ dạy học do nhà trường trực tiếp quản lý hoặc sử dụng.

- Phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị quản trị hệ thống để cấu hình, kiểm thử và xác nhận khả năng truy cập qua IPv6 khi đáp ứng điều kiện kỹ thuật.

- Đối với cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm quản lý học sinh, học bạ điện tử, phần mềm tuyển sinh, quản lý văn bản và các hệ thống dùng chung do cấp

trên hoặc đơn vị khác vận hành, nhà trường chủ động phối hợp kiểm tra, đề xuất hỗ trợ; không tự ý thay đổi cấu hình ngoài thẩm quyền.

- Chỉ đưa hệ thống vào vận hành chính thức sau khi kiểm thử đạt yêu cầu và có phương án bảo đảm hoạt động liên tục.

5. Bảo đảm an toàn thông tin và quản lý rủi ro

- Rà soát, cập nhật cấu hình bảo mật, quy tắc tường lửa, kiểm soát truy cập và các biện pháp giám sát phù hợp với môi trường IPv6.

- Thực hiện sao lưu dữ liệu, cấu hình thiết bị và thông tin cần thiết trước khi chuyển đổi; duy trì việc sao lưu định kỳ theo quy định và phương án quản lý dữ liệu của nhà trường.

- Kiểm tra khả năng phát hiện, ghi nhận và xử lý sự cố; chuẩn bị phương án khôi phục cấu hình, kết nối và dịch vụ khi phát sinh lỗi.

- Bảo đảm dữ liệu học sinh, điểm số, hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các thông tin nội bộ được quản lý, khai thác đúng quy định về an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu.

6. Đào tạo, tập huấn và nâng cao năng lực

- Cử nhân sự phụ trách công nghệ thông tin tham gia các lớp tập huấn về IPv6, IPv6 only và an toàn thông tin do cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

- Chủ động cập nhật tài liệu hướng dẫn, phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ và đơn vị kỹ thuật để nâng cao năng lực vận hành, xử lý sự cố.

- Hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng các hệ thống, phần mềm và dịch vụ mạng theo yêu cầu kỹ thuật trong từng giai đoạn chuyển đổi.

7. Đầu tư, mua sắm và sử dụng kinh phí hiệu quả

- Rà soát nhu cầu sửa chữa, nâng cấp, thay thế thiết bị; ưu tiên tận dụng hạ tầng hiện có và triển khai theo mức độ cần thiết.

- Đưa yêu cầu hỗ trợ IPv6 vào các dự án, kế hoạch mua sắm mới về hệ thống thông tin và thiết bị công nghệ thông tin thuộc phạm vi triển khai.

- Việc đầu tư, mua sắm phải căn cứ nhu cầu thực tế, khả năng cân đối kinh phí và quy định hiện hành; tránh đầu tư trùng lặp với các hệ thống dùng chung.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện được bố trí từ dự toán ngân sách nhà nước giao hằng năm cho nhà trường; lồng ghép với các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí phải bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định hiện hành. Các bộ phận liên quan có trách nhiệm đề xuất nhu cầu, thuyết minh sự cần thiết và phối hợp thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo nhà trường

- Chỉ đạo chung việc triển khai Kế hoạch; phân công nhiệm vụ cho các bộ phận, cá nhân có liên quan và kiểm tra tiến độ thực hiện.

- Xem xét, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án kỹ thuật, nhu cầu nâng cấp hạ tầng và dự toán kinh phí theo quy định.

- Chỉ đạo phối hợp xử lý khó khăn, vướng mắc; tổ chức đánh giá kết quả và chịu trách nhiệm về việc triển khai Kế hoạch tại đơn vị.

2. Tổ Tin học - GDQP&AN

- Bộ phận tham mưu chuyên môn, phối hợp với nhân viên thiết bị khảo sát, kiểm kê và đánh giá khả năng hỗ trợ IPv6 của hạ tầng mạng, thiết bị và các phần mềm, hệ thống thông tin đang sử dụng.

- Xây dựng phương án kỹ thuật, đề xuất lộ trình triển khai; phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ internet và các đơn vị liên quan thực hiện cấu hình, kiểm thử, chuyển đổi và khắc phục sự cố.

- Tham mưu các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, sao lưu cấu hình, duy trì hoạt động ổn định và khôi phục hệ thống khi cần thiết.

- Hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng hệ thống mạng; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc về kỹ thuật và đề xuất giải pháp xử lý.

- Báo cáo kết quả khảo sát, tiến độ triển khai và các vấn đề phát sinh về lãnh đạo nhà trường thông qua bộ phận đầu mối trước ngày 15/11 hằng năm.

3. Nhân viên thiết bị

- Phối hợp với Tổ Tin học - GDQP&AN kiểm kê, thống kê tình trạng thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị mạng và các thiết bị có kết nối mạng thuộc phạm vi quản lý của nhà trường.

- Theo dõi tình trạng sử dụng, sửa chữa, bảo trì; đề xuất nâng cấp hoặc thay thế thiết bị không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

- Phối hợp quản lý, lưu trữ hồ sơ thiết bị, thông tin bảo hành, bảo trì và các tài liệu kỹ thuật phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá.

4. Bộ phận Kế toán - Văn phòng

- Phối hợp với bộ phận phụ trách kỹ thuật tổng hợp nhu cầu kinh phí; tham mưu lãnh đạo nhà trường bố trí nguồn kinh phí thực hiện phù hợp với dự toán được giao.

- Tham mưu việc lập dự toán, mua sắm, sửa chữa, nâng cấp thiết bị và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

- Phối hợp rà soát các thiết bị, phần mềm phục vụ công tác hành chính, kế toán, văn thư; cung cấp thông tin về tình trạng sử dụng và các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai.

- Thực hiện tổng hợp hồ sơ, văn bản, số liệu và phối hợp tham mưu báo cáo kết quả thực hiện theo phân công của lãnh đạo nhà trường.

5. Các tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên

- Rà soát nhu cầu sử dụng mạng internet, phần mềm, nền tảng dạy học và các hệ thống phục vụ hoạt động chuyên môn thuộc phạm vi sử dụng của tổ.

- Phối hợp kiểm thử khả năng truy cập, tính tương thích của các phần mềm, nền tảng dạy học khi nhà trường triển khai thử nghiệm hoặc mở rộng IPv6.

- Kịp thời phản ánh các sự cố kết nối, lỗi truy cập hoặc gián đoạn dịch vụ đến bộ phận phụ trách kỹ thuật để phối hợp xử lý.

6. Đoàn Thanh niên và giáo viên chủ nhiệm

- Phối hợp tuyên truyền đến đoàn viên, thanh niên và học sinh về chuyển đổi số, sử dụng internet an toàn, bảo vệ thông tin cá nhân và thực hiện các quy định về an toàn thông tin mạng.

- Hướng dẫn học sinh sử dụng mạng Wi-Fi và các nền tảng phục vụ học tập đúng mục đích, theo quy định của nhà trường.

- Phản ánh kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình sử dụng mạng và dịch vụ số phục vụ học tập.

7. Chế độ báo cáo

- Các bộ phận, cá nhân được phân công gửi kết quả rà soát, tình hình thực hiện và các khó khăn, vướng mắc về bộ phận đầu mối của nhà trường trước ngày 15/11 hằng năm.

- Tổ Tin học - GDQP&AN phối hợp với Tổ Văn phòng tổng hợp kết quả thực hiện, tham mưu lãnh đạo nhà trường báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30/11 hằng năm theo kế hoạch của Sở.

- Trường hợp phát sinh sự cố nghiêm trọng hoặc khó khăn vượt thẩm quyền, các bộ phận kịp thời báo cáo lãnh đạo nhà trường để chỉ đạo xử lý.

Trên đây là Kế hoạch triển khai chuyển đổi IPv6 only tại Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn giai đoạn 2026-2030. Yêu cầu các tổ chuyên môn, Văn phòng, ĐTN, GVCN và cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo lãnh đạo nhà trường để xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:
- Sở GD&ĐT tỉnh Gia Lai (để b/c);
- Lãnh đạo trường;
- Các tổ CM, VP;
- ĐTN, GVCN;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

Huỳnh Lê Minh